

CÁC ĐẶC ĐIỂM CÁ NHÂN VÀ Ý NGHĨA CỦA CHÚNG TRONG QUÁ TRÌNH XÃ HỘI HOÁ CỦA TRẺ EM

Nguyễn Thị Minh Hằng

Khoa Tâm lý học, Trường Đại học KHXH&NV.

Các đặc điểm cá nhân và sự ảnh hưởng của chúng tới sự phát triển nhân cách của trẻ em đang là một vấn đề gây tranh cãi nhiều trong tâm lý học hiện đại. Hiện nay, giữa các nhà tâm lý học (lý thuyết cũng như thực hành) chưa có một kết luận thống nhất và cụ thể nào về vấn đề này.

Tuy nhiên, không một nhà tâm lý học nào lại không thừa nhận sự ảnh hưởng nhất định của những đặc điểm mang tính chất bẩm sinh này tới quá trình phát triển nhân cách nói chung và quá trình xã hội hóa nói riêng của trẻ em. Thực vậy, trong một xã hội hiện đại có nhiều biến đổi mạnh mẽ về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa như hiện nay, khi mà các đặc điểm nhân cách như sự tích cực hoạt động, khả năng độc lập trong tư duy, hay những phẩm chất ý chí trở thành chìa khóa của sự thành công của một con người, thì những đặc điểm cá nhân càng có một ý nghĩa hết sức quan trọng. Chính những đặc điểm cá nhân mang tính chất bẩm sinh của mỗi người góp phần xác định việc hình thành xu hướng phát triển nhân cách, hình thành phong cách hoạt động và giao tiếp của cá nhân, đảm bảo cho sự tối ưu của quá trình xã hội hóa ở lứa trẻ, làm cho nhân cách của trẻ phát triển sớm hơn, hài hòa và toàn diện.

Hơn thế nữa, trong những năm gần đây có sự gia tăng số trẻ em mắc các rối nhiễu tâm lý khác nhau, mà nguyên nhân trực tiếp hay gián tiếp đều có liên quan tới các đặc điểm tâm-sinh lý cá nhân. Sự chẩn đoán các đặc điểm này đúng lúc và chính xác sẽ giúp chúng ta tiên lượng được những rối nhiễu tâm lý có thể có trong quá trình phát triển nhân cách ở trẻ, hoặc giúp chúng ta có những chiến lược can thiệp đối với những trẻ đã có những biểu hiện rối nhiễu tâm lý.

Vậy những đặc điểm cá nhân là gì?

Như chúng ta đã biết, trong học thuyết về hoạt động thần kinh cấp cao, I.P. Páplop đã chỉ rõ: cơ sở sinh lý của khí chất gắn liền với hoạt động của hệ thần kinh. Dựa trên nghiên cứu này của ông, về sau những nhà sinh lý học và tâm sinh lý học

khác đã làm sáng tỏ thêm: có một số đặc tính của hệ thần kinh có vai trò quyết định sự hình thành các đặc điểm tâm lý nhất định. Tiếp sau đó, các công trình nghiên cứu của V.N. Miaxisép, B.M. Chéplóp, V.L. Nhebinlisin, G. Eysenck, G. Ollport, R. Kettel... đã chứng minh rằng, không thể tách rời cơ sở sinh lý của khí chất và những đặc điểm tâm-sinh lý cá nhân như mức độ tích cực hoạt động, sắc thái xúc cảm và tốc độ phản ứng. Kết quả nghiên cứu của một khối lượng lớn các công trình khoa học về vấn đề này đã cho phép các nhà tâm lý học đưa ra một khái niệm là: “Individual Psychodynamics” (tạm dịch là các động thái tâm lý cá nhân). Các động thái tâm lý cá nhân này là sự kết hợp của các đặc điểm sinh lý và tâm lý của con người. Trong tâm lý học hiện đại, thuật ngữ “các động thái tâm lý cá nhân” được hiểu là những đặc điểm tâm-sinh lý quy định “sự khác biệt cá nhân” (Individual Differences) và thường được sử dụng như là thuật ngữ “những đặc điểm cá nhân”.

Như vậy, các đặc điểm cá nhân chính là những đặc điểm tâm-sinh lý mang tính chất bẩm sinh, gắn liền với hoạt động của hệ thần kinh, quy định sự khác biệt giữa cá nhân này và cá nhân khác.

Hiện nay, có nhiều cách phân loại và cách gọi tên khác nhau, nhưng nhìn chung, có thể tổng kết thành 6 đặc điểm tâm lý cá nhân cơ bản (con số này có thể nhiều hơn trong tương lai). Một điều đặc biệt là các đặc điểm này tồn tại theo từng cặp với 2 thái cực biểu hiện khác nhau [1, 2, 3]:

- Tính xung động – Tính phản xạ
- Tính linh hoạt, mềm dẻo – Tính không linh hoạt, cứng nhắc
- Tính hướng nội – Tính hướng ngoại
- Tính nội xung – Tính ngoại xung
- Tính xúc cảm (ngưỡng cảm xúc: cao hay thấp, hình thức biểu hiện: bên ngoài hay bên trong)
- Năng lực (mức độ thực hiện hoạt động: hoàn thành hay không, nhịp độ tiếp nhận và tốc độ xử lý thông tin: nhanh hay chậm).

Tính xung động và tính phản xạ được đặc trưng bởi mối tương quan giữa khả năng định hướng hành động và thực hiện hành động của một cá nhân nhất định nào đó. Người xung động là người thường ít có khả năng định hướng trước khi hành động. Chẳng hạn, một học sinh có đặc điểm cá nhân này sẽ bắt tay vào giải ngay bài toán khi vừa nghe cô giáo đọc đề ra. Vì thế, những học sinh này thường thực hiện rất nhanh những yêu cầu của giáo viên, nhưng lại thường mắc lỗi trong quá trình thực hiện. Ngược lại, người có tính phản xạ lại là người bao giờ cũng cẩn thận, có khả năng định hướng rõ ràng trước khi bắt tay vào thực hiện một hành động nào đó. Những học sinh mang đặc điểm cá nhân này thường đọc kỹ đề bài trước khi giải một bài tập nhất định. Do vậy, tuy có chậm hơn nhưng những học sinh này ít mắc lỗi hơn trong quá trình thực hiện hành động.

Tính linh hoạt được hiểu là khả năng thay đổi tính tích cực của cá nhân cho phù hợp với môi trường xung quanh luôn biến động. Đây là một chức năng sống có ở tất cả các sinh vật. Ở người, chức năng này thể hiện ở chỗ cá nhân có khả năng dễ dàng chuyển từ hoạt động này sang hoạt động khác, chuyển từ trạng thái cảm xúc này sang trạng thái cảm xúc khác, hay chuyển từ “đường mòn tư duy” vốn có sang một kiểu tư duy mới hay không? Người có tính cứng nhắc khó có khả năng linh hoạt tâm lý như vậy.

Tính hướng nội – hướng ngoại nói lên mức độ cởi mở và tin tưởng của cá nhân đối với thế giới bên ngoài. Người có tính hướng ngoại là người dễ dàng tìm được tiếng nói chung với người khác, dễ kết bạn và cũng dễ vượt qua các xung đột trong cuộc sống. Khác với người hướng ngoại, người mang đặc điểm hướng nội thường gặp khó khăn trong việc thiết lập quan hệ với người khác và những rào cản tâm lý cá nhân ở họ cản trở khả năng thích ứng nhanh với môi trường mới.

Tính ngoại xung – nội xung thể hiện ở hình thức giải tỏa căng thẳng. Những sự căng thẳng, ức chế này được sinh ra bởi sự hẫng hụt của cá nhân đối với tác động của các kích thích từ môi trường bên ngoài. Có hai hình thức giải tỏa căng thẳng chúng ta thường biết là sự hưng tính và lo hãi. Trong những tình huống khó khăn, những cá nhân mang đặc điểm ngoại xung thường chọn cách phản ứng là “nhắm mắt đưa chân”, “phó mặc cho số phận” hay “đặt cược” vào những yếu tố khách quan, bên ngoài. Trong trường hợp kết quả không như mong đợi xảy ra thì những yếu tố bên ngoài này được họ cho là nguyên nhân của sự thất bại. Ngược lại, cũng trong hoàn cảnh tương tự thì người có tính nội xung thường chỉ trông cậy vào chính bản thân mình, và nếu có thất bại thì họ buộc lỗi chính mình mà thôi.

Tính xúc cảm được đặc trưng bởi hai chỉ số là ngưỡng xúc cảm (cao hay thấp) và hình thức biểu hiện (rõ rệt hay tiềm ẩn) của chúng. Ngưỡng xúc cảm được xác định bởi cường độ tác động của kích thích tạo ra nó. Ngưỡng xúc cảm liên quan chặt chẽ với một số đặc điểm nhân cách. Có những người dễ cười, dễ khóc vì những điều rất nhỏ, trong khi đối với những người khác thì rất khó làm họ biểu lộ xúc cảm của mình. Cũng như vậy, với người này thì xúc cảm luôn luôn biểu hiện rõ rệt ra bên ngoài, ở những người khác thì xúc cảm thường ít được biểu lộ mà chỉ ở dạng tiềm ẩn bên trong, ta khó có thể đoán biết được họ đang vui, buồn hay đang có một trạng thái xúc cảm nào khác.

Trong lịch sử tâm lý học, ngay từ thời Cổ đại, năng lực đã được nghiên cứu với tư cách là một đặc điểm cá nhân bởi nó gắn kết chặt chẽ với trí tuệ và tốc độ lĩnh hội tri thức. Trong tâm lý học hiện đại, năng lực được xác định bởi hai chỉ số: mức độ thực hiện hoạt động và tốc độ xử lý thông tin. Trong hai chỉ số này thì mức độ thực hiện hoạt động phụ thuộc nhiều vào tình huống xã hội cụ thể khi diễn ra hoạt động và những gì mà cá nhân học hỏi được trong quá trình sống, còn tốc độ xử lý thông tin là một thuộc tính tâm-sinh lý, phụ thuộc phần lớn vào hoạt động của hệ thần kinh mỗi người.

Như trên đã nói, 6 đặc điểm cá nhân này là những đặc điểm gắn liền với hoạt động của hệ thần kinh, nhưng có một vai trò quan trọng đối với quá trình xã hội hóa của trẻ em. Theo một số nghiên cứu (Iu. A. Cobazeva, 1999; T. V. Costiak, 2000; C. Cooper, 2000; E. P. Ilin, 2004 v.v...) ảnh hưởng của những đặc điểm cá nhân tới quá trình xã hội hóa của trẻ diễn ra trong quá trình hình thành những thuộc tính nhân cách, trong hoạt động giao tiếp với người lớn, tạo ra những hình thức xã hội hóa khác biệt mà hạt nhân quan trọng của nó là thái độ, xúc cảm của trẻ đối với những giá trị, những chuẩn mực mà người lớn đặt ra cho chúng. Chẳng hạn, nếu cha mẹ hình thành được ở trẻ những xúc cảm dương tính đối với việc chào hỏi, xưng hô lễ phép với mọi người thì đứa trẻ dễ dàng hình thành thói quen đó.

Tuy nhiên, các nghiên cứu trên cũng cho thấy ngưỡng xúc cảm cao và có tính xung động có ý nghĩa hai mặt đối với việc quá trình xã hội hóa của trẻ. Một mặt, những đặc điểm cá nhân này giúp trẻ dễ dàng định hướng trong điều kiện, môi trường mới và hình thành những mối quan hệ mới. Mặt khác, chúng cũng làm cho trẻ dễ mắc sai lầm, thất bại hoặc có những phản ứng không thích hợp. Trong khi đó, những đứa trẻ có sự kết hợp của những đặc điểm cá nhân như tính phản xạ, tính không linh hoạt và ngưỡng xúc cảm thấp thì chậm thích ứng với môi trường mới nhưng lại có vẻ vững vàng hơn khi gặp thất bại.

Có thể nói, ảnh hưởng của những đặc điểm khác biệt cá nhân đối với việc hình thành nhân cách nói chung và sự tiếp nhận, lĩnh hội các giá trị, chuẩn mực xã hội nói riêng của trẻ em là rất to lớn. Tuy vấn đề này không mới, nhưng còn rất ít được nghiên cứu ở Việt Nam. Điều đó đặt ra một nhiệm vụ đối với các nhà tâm lý học nước ta trong giai đoạn tới là phải nghiên cứu sự ảnh hưởng này ở trẻ em Việt Nam diễn ra như thế nào và với những hình thức ra sao.

Tài liệu tham khảo

1. Ilin E. P. *Tâm lý học khác biệt cá nhân*. NXB. Piter, Xanh Peterburg, 2004. Sách tiếng Nga.
2. Libin A. *Tâm lý học khác biệt*. NXB. Academia, Matxcova, 2004. Sách tiếng Nga.
3. Marxincốpxkaia T. D. *Giáo dục học và Tâm lý học*. NXB. Gardariki, Matxcova, 2004. Sách tiếng Nga.
4. Cobazeva Iu. A. *Đặc điểm quá trình xã hội hóa của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi*. Tóm tắt luận án tiến sĩ Tâm lý học phát triển, Matxcova, 1999.
5. Cooper C. *Những khác biệt cá nhân*. NXB. Aspect-Press, 2000. Sách dịch ra tiếng Nga từ nguyên bản tiếng Anh.
6. Costiak T. V. *Ảnh hưởng của những đặc điểm tâm lý cá nhân tới quá trình xã hội hóa của trẻ em*. Tóm tắt luận án tiến sĩ Tâm lý học phát triển, Matxcova, 2000.